TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KON TUM** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-5-2019
V/v "ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Phượng.

2. Ông Nguyễn Danh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hà Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 663/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1987. (Có mặt).

Địa chỉ: Số 14 A T, khối 5, thị trấn Đắk T, huyện Đắk T, tỉnh Kon Tum.

2. Bị đơn: Chị Hoàng Thị Thanh H, sinh năm 1992. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Hẻm 95 Võ Nguyên G, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị Thanh H tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Duy T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2012. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2018 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ bắt gặp chị H nhắn tin với người đàn ông

khác và có khoản vay nợ bên ngoài (anh Đ không rõ mục đích vay) nên vợ chồng xảy ra bất đồng. Anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau và có đánh nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Anh Đ đã nhiều lần níu kéo chị H quay về để đoàn tụ nhưng vợ chồng vẫn không thể tiếp tục chung sống. Nay anh Đ cảm thấy không còn tình cảm với chị H nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị Thanh H có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08/8/2012 và Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 10/12/2016. Khi ly hôn, anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu Đ, chị H nuôi cháu N. Anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai đề ngày 07/01/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Hoàng Thị Thanh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, chị Hoàng Thị Thanh H thống nhất như trình bày của anh Nguyễn Văn Đ. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ bỏ bê vợ con, có tình cảm với người khác. Tình trạng này kéo dài đến nay. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Chị H không có quan hệ với người khác như anh Đ trình bày. Khoản tiền vay nợ là nợ riêng của chị H do làm ăn mà ra. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2018 đến nay. Chị H cảm thấy không còn tình cảm với anh Đ nữa nên đồng ý ly hôn để giải thoát cho nhau.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn Đ có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08/8/2012 và Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 10/12/2016. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Các con từ trước đến nay đều do cha mẹ ruột chị H chăm sóc. Hiện tại, các cháu đã có cuộc sống ổn định.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Bị đơn chị Hoàng Thị Thanh H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

[1.1] Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị Thanh H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường Duy T, thành phố Kon T,

tỉnh Kon Tum vào ngày 15/10/2012 theo đúng quy định của pháp luật, không vi phạm điều kiện kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị Thanh H là hôn nhân hợp pháp.

[1.2] Xét thấy sau khi kết hôn, anh Đ và chị H chung sống có xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm. Theo anh Đ, nguyên nhân mâu thuẫn là do: *"anh Đ bắt gặp chị H nhắn tin với người đàn ông khác và có khoản vay nợ bên ngoài (anh Đ không rõ mục đích vay) nên vợ chồng xảy ra bất đồng"*. Trong khi đó, chị H lại cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc: *"anh Đ bỏ bê vợ con, có tình cảm với người khác. Tình trạng này kéo dài đến nay"*. Anh Đ và chị H đều không đồng ý những nguyên nhân mâu thuẫn này. Tuy nhiên, anh chị đều thừa nhận, tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng, dẫn đến việc anh chị thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Từ tháng 7/2018 đến nay, anh Đ và chị H đã sống ly thân, không ai còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau.

[1.3] Tại phiên tòa hôm nay, anh Nguyễn Văn Đ khẳng định không còn tình cảm, thương yêu gì với chị Hoàng Thị Thanh H. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cũng đồng ý ly hôn với anh Đ để giải phóng cho nhau. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã thực sự trầm trọng, dẫn đến việc vợ chồng thời gian qua sống ly thân, không có hạnh phúc, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ với chị Hoàng Thị Thanh H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

[2.1] Anh Đ và chị H không thỏa thuận được với nhau về con chung. Chị H có nguyện vọng nuôi 02 con chung. Trong khi đó, anh Đ có nguyện vọng nuôi con Nguyễn Hoàng Hải Đ còn chị H nuôi con Nguyễn Hoàng Hải N. Như vậy, anh Đ và chị H đã thống nhất về việc chị H sẽ nuôi cháu Nguyễn Hoàng Hải N. Các con chung hiện đang sống cùng cha mẹ ruột của chị H. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã cung cấp tài liệu, chứng cứ (về công việc, khả năng tài chính, thu nhập, tài sản và nơi cư trú) để chứng minh bản thân anh có thể đảm bảo quyền lợi của con. Cụ thể như sau: Anh Đ hiện đang sinh sống cùng cha mẹ ruột tại khối 5, thị trấn Đắk T, huyện Đắk T, tỉnh Kon Tum và làm việc tại Công ty TNHH tinh bột sắn Tây N – Đắk H, thu nhập từ khoảng 6.000.000 đồng đến 7.500.000 đồng. Về phía chị H hiện đang có việc làm và sinh sống cùng cha mẹ ruột tại hẻm 95 Võ Nguyên G, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum. Tuy nhiên, chị H không cung cấp cho Tòa án chứng cứ chứng minh về công việc, khả năng tài chính, thu nhập, tài sản và nơi cư trú.

[2.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại, anh Đ và chị H đều có công việc, thu nhập và sinh sống cùng gia đình. Tuy nhiên, anh Đ cung cấp được tài liệu, chứng cứ là bảng lương để chứng minh công việc, thu nhập ổn định. Nguyện vọng nuôi con chung của anh Đ và chị H là chính đáng. Bản thân anh, chị đều làm việc xa nhà, không có nhiều thời gian để chăm sóc, đưa đón các con, cần có sự giúp đỡ từ phía cha mẹ ruột. Anh chị có 02 con chung, anh Đ có nguyện vọng nuôi cháu Đ. Nguyện vọng của anh Đ là chính đáng, bản thân anh Đ cũng có khả năng nuôi dưỡng con. Do đó, giao con chung là Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08/8/2012 cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung là Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 10/12/2016 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hoàng Thị Thanh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ và chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung và nợ chung, do không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với bị đơn chị Hoàng Thị Thanh H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con" của anh Nguyễn Văn Đ, đơn đề ngày 24/12/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Hoàng Thị Thanh H.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 08/8/2012 cho anh Nguyễn Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Giao con chung là Nguyễn Hoàng Hải N, sinh ngày 10/12/2016 cho chị Hoàng Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Đ và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ và chị H có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 6, 18, 19, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số 0002486 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Anh Đ đã nộp đủ án phí.

Căn cứ các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16-5-2019), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS.TP KonTum;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đỗ Văn Toàn